

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch số 1591/KH-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019)

Phụ lục 1:

Biểu TK1-1: Kết quả hoạt động KH&CN năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

Biểu TK1-4: Nhân lực và tổ chức KH&CN.

Biểu TK1-5: Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

Biểu TK1-6: Văn bản về KH&CN được ban hành năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

Biểu TK1-7: Kết quả triển khai thực hiện cơ chế khoán đối với nhiệm vụ KH&CN

Biểu TK1-8: Kết quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương

Phụ lục 2:

Biểu TK2-2: Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, tỉnh năm 2020.

Biểu TK2-3: Kế hoạch vốn đầu tư phát triển KH&CN năm 2020.

Biểu TK2-5: Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2020 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			
-	Nghiên cứu phòng trừ sâu bệnh trên cây Sâm Ngọc Linh.	Viện Bảo vệ Thực vật	Xác định thành phần sâu bệnh hại và các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại bằng biện pháp sinh học	
-	Ứng dụng các tiến bộ KHKT xây dựng mô hình trồng tái canh cây cà phê vối bền vững tại tỉnh Kon Tum.	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		
-	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất một số cây dược liệu trên địa bàn huyện Kon Plông.	Ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen	Xây dựng 03 quy trình công nghệ trồng các loại cây dược liệu phù hợp với điều kiện tự nhiên huyện Kon Plông. 03 mô hình trồng cây dược liệu (Thạch tùng răng cưa, Lan Kim tuyến, Đương quy) áp dụng công nghệ cao.	
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu:		Tổng mức đầu tư của dự án: 11 tỷ đồng. Đến nay dự án đã hoàn thành việc đầu	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
	Dự án: “Nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Kon Tum”.		tư, toàn bộ thiết bị của dự án đã được nghiệm thu, các hạng mục đầu tư đã đáp ứng được nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng của tỉnh.	
V	Kết quả triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh			
	Nghiên cứu nhân giống và trồng thử nghiệm cây Kim tuyến (<i>Anoectochilus</i> sp.)	Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN	Đã xác định được 2 phương pháp nhân giống lan Kim tuyến: phương pháp nhân giống bằng nuôi cấy mô; giâm hom, trong đó phương pháp nhân giống bằng nuôi cấy mô có hệ số nhân giống cao, sản xuất được số lượng giống lớn trong thời gian ngắn và chất lượng cây giống tốt hơn phương pháp giâm hom. Tiến hành trồng thử nghiệm 100 m ² lan Kim tuyến ngoài thực địa (<i>trồng trong nhà màng</i>), kết quả nghiên cứu đã xác định được loại giá thể, mật độ phù hợp; kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch Lan Kim tuyến phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương, qua đó đã xây dựng 02 quy trình kỹ thuật: quy trình nhân giống và quy trình trồng, chăm sóc cây Lan Kim tuyến.	
	Sản xuất thử nghiệm hoa lan Hồ Điệp, hoa Lily tại huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN	Đã tiến khai xây dựng mô hình trồng hoa Lily, hoa hồ điệp với quy mô 15.000 cây. Qua đó đã hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất quy mô công nghiệp phù hợp với điều kiện sản xuất trên địa bàn huyện Kon Plông.	
	Nghiên cứu nuôi thử nghiệm cá chêm (<i>Lates calcarifer</i> Bloch, 1970) trên địa bàn huyện Đăk Hà, Đăk Tô tỉnh Kon Tum	Trung tâm quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung	Đề tài đã tiến hành khảo sát các điều kiện nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Đăk Hà, Đăk Tô, qua đó đã xác	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			<p>định, lựa chọn các điểm để bố trí mô hình nuôi thử nghiệm; đã bố trí các thí nghiệm với 2 phương thức nuôi (<i>nuôi ao đất và nuôi lồng</i>) trên địa bàn huyện Đăk Tô và huyện Đăk Hà, kết quả đề tài đã xác định được phương thức nuôi lồng có tỷ lệ sống cao, dễ dàng trong việc quản lý, chăm sóc và có hiệu quả kinh tế cao hơn so với điều kiện nuôi trong ao đất. Thông qua đề tài đã hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật ương, thuần hóa cá giống, kỹ thuật nuôi cá chêm cho các hộ nuôi trong phạm vi đề tài, bước đầu đã xây dựng được quy trình nuôi cá chêm thương phẩm làm cơ sở để chuyển giao các địa phương triển khai ứng dụng trong thực tiễn sản xuất.</p>	
	<p>Chuyển giao, ứng dụng thiết bị sấy cà phê quả tươi quy mô hộ gia đình trên địa bàn một số xã thuộc huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.</p>	<p>Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Đăk Glei</p>	<p>Quá trình triển khai thực hiện cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyển giao công nghệ: Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tân Sang; phối hợp với phòng NN&PTNN huyện và chính quyền địa phương để tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành các nội dung, mục tiêu dự án đề ra. Dự án đã chuyển giao 08 thiết bị máy sấy MSTR 1.5 cho 08 hộ và nhóm hộ thuộc xã: Đăk Choong, Xốp, Đăk Man, Đăk Blô, Mường Hoang.</p>	
	<p>Xây dựng mô hình thâm canh tăng năng suất, chất lượng mía trên địa bàn tỉnh Kon Tum</p>	<p>Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp duyên hải Nam Trung Bộ</p>	<p>- Dự án xây dựng được 60 ha mô hình thâm canh mía trên đất ô và đất gò đồi. Năng suất mía bình quân trên đất Ô là 102,6 tấn/ha, đất gò đồi là 83,8 tấn/ha.</p>	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			Lãi ròng mô hình mía trên đất Ô là 37.461.000 đồng/ha/năm, cao hơn đối chứng 32,8%; Trên đất gò đồi là 25.835.000 đồng/ha/năm, cao hơn đối chứng 31,2%. Kết quả đạt được của dự án cũng đã khẳng định sự đóng góp của khoa học công nghệ trong việc tăng năng suất cây trồng, tăng hiệu quả trên đơn vị đất canh tác, sử dụng tài nguyên đất bền vững, hợp lý, thông qua đó góp phần xoá đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn và miền núi.	
	Ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất các chế phẩm vi sinh vật đa chức năng để xử lý phế phẩm nông nghiệp làm phân bón.	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học và Công nghệ	Đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát các điều kiện enzym có hoạt tính pectinnase và cellulase để tạo enzym. Đã tạo ra 18 loại chế phẩm.	
	Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm một số giống nghệ (<i>Curcuma longa</i>) tại tỉnh Kon Tum.	Viện Hoá học, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	Đã điều tra, khảo sát hiện trạng, phân tích đất để lựa chọn địa điểm để triển khai đề tài; tiến hành trồng thử nghiệm các giống nghệ trên địa bàn xã Kroong, xã Ia Dom, huyện Ia H'rai quy mô 1000 m ² /điểm/2 giống, được bố trí trên 2 loại chân đất đất bồi, đất đồi), kết quả đã xác định giống nghệ VH2 có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt hơn giống VH1 (đạt 2,8-3,11 ở giai đoạn nghệ 10 tháng tuổi). Trên cơ sở đó đã bố trí trồng 2 mô hình, với quy 1ha/mô hình, cho năng suất: 30,57-32 tấn/ha đối với giống nghệ VH2.	
	Nghiên cứu, sản xuất và phê chất lượng cao bằng công nghệ lên men tại huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	Trường Đại học Quốc tế TPHCM	Đề tài đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát các điều kiện enzym có hoạt tính pectinase và cellulase để tạo chế phẩm enzym (thành phần môi trường, độ ẩm, thời gian,.. đối với chủng nấm, pH ban đầu và	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			<p>lượng (NH₄)₂S₀₄ đối với chủng nấm men và vi khuẩn. Đã tạo ra 18 loại chế phẩm, trong đó có 5 chủng nấm sợi, 1 chủng nấm men và vi khuẩn có hoạt tính pectinase và cellulasecao đã được chọn để nghiên cứu khả năng tách vỏ và lên men cà phê. Cà phê lên men đã được tiến hành đánh giá cảm quan và kết quả cho thấy các loại cà phê lên men đạt điểm cao (tốt và xuất sắc) so với cà phê không lên men (trung bình hoặc dưới trung bình). Cà phê lên men có hương vị đậm đà, béo, hậu vị tốt. Ngoài việc trích ly được chất hòa tan cao, cà phê lên men có nhiều ưu điểm về trạng thái, màu sắc, hương và vị.</p>	
	<p>Sản xuất thử nghiệm “Nước giải khát sâm dây” đóng lon và “cao sâm dây” từ nguồn nguyên liệu của địa phương</p>	<p>Công ty TNHH Thái Hoà</p>	<p>Đã hoàn thiện và đưa vào sản xuất 2 sản phẩm cao sâm dây, nước giải khát sâm dây đóng lon. Hiện nay sản phẩm đã tiêu thụ trên thị, cao sâm dây gần hơn 5.000 chai (<i>tương đương 5 kg</i>); nước giải khát sâm dây (<i>5.000 lon</i>).</p>	
	<p>Nghiên cứu, xây dựng mô hình nuôi cá lồng và đề xuất biện pháp phát triển nguồn lợi thủy sản tại các lồng hồ thủy điện Sê San trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.</p>	<p>Trung tâm quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung</p>	<p>Đề tài đã thực hiện đầy đủ và hoàn thành các nội dung đã đề ra, kết quả nghiên cứu đã xác định các đối tượng đưa vào nuôi thử nghiệm, đều thích nghi với điều kiện môi trường nuôi trồng lồng hồ Sê San 4, cá tăng trưởng nhanh và mang lại hiệu quả kinh tế cao: mô hình cá thát lát cườm thương phẩm đạt tỷ suất lợi nhuận đạt 21%; cá lăng đuôi đỏ đạt 61%; đối với mô hình cá Đieu hồng xác định nuôi phù hợp với điều kiện trên lồng hồ, tuy nhiên do ảnh hưởng của thiên tai nên sản lượng thu hoạch chưa xác định được</p>	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			hiệu quả kinh tế. Kết quả nghiên cứu là cơ sở bước đầu quan trọng để các ngành, địa phương triển khai ứng dụng, nhân rộng trong thực tiễn sản xuất	
	Nghiên cứu xây dựng hệ thống xử lý nước thải khu giết mổ gia súc tập trung tại làng nghề tiểu thủ công nghiệp thị trấn Đắk Hà	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Đắk Hà	Đã tiến hành khảo sát, tổ chức học tập kinh nghiệm các địa phương trong nước đã đề xuất mô hình xử lý nước thải phù hợp với điều kiện, quy mô nước thải của địa phương. Tổ chức xây dựng, lắp đặt hệ thống, gồm Bể điều hòa, bể biogas (250m ³), bể lắng (kích thước: 5,3 x 4 2,38m), bể lọc sinh học bậc 1 (19,3 x 4,7 x 2,4), bể lọc sinh học bậc 2 (9,56 x 5,9 x 1,3 m); diện tích nắp vòm 86m ² . Tổ chức đào tạo, tập huấn sử dụng, vận hành hệ thống cho đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia quản lý, vận hành hệ thống. Hệ thống sau hơn 1 năm đưa vào sử dụng, vận hành ổn định, chưa xảy ra hư hỏng, đã tạo khí gas để đưa vào sử dụng trong việc đốt lông tại khu giết mổ. kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý vào bể sinh học thải ra môi trường bởi các thông số: TSS, BOD ₅ ²⁰ , N tổng số, P tổng, Phospho hữu cơ và Coliform đều đạt theo trong ngưỡng cho phép khi xả các vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh học theo quy định tại tiêu chuẩn; 40:2011/BTNMT	
	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh ở tỉnh Kon Tum	Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN	Kết quả nghiên cứu đề tài đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả ứng dụng các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; tổ chức điều tra hiệu quả ứng dụng của các đề tài KH&CN giai đoạn từ 2000-2013. Kết quả	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			<p>điều tra xác định được tỷ lệ số đề tài, dự án được triển khai ứng dụng trong thực tiễn sản xuất và đời sống theo các mức: Hiệu quả tốt; hiệu quả trung bình; hiệu quả thấp, đã xác định một số nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế trong ứng dụng kết quả đề tài, dự án KH&CN sau khi nghiệm thu. Từ đó đã đề xuất 3 nhóm giải pháp để nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, gồm: (1) Nhóm giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của KH&CN nói chung về ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN nói riêng; (2) Nhóm giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu ĐTDA KH&CN cấp tỉnh của tỉnh Kon Tum theo yêu cầu mới; (3) Nhóm giải pháp đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng kết quả đề tài, dự án sau nghiên cứu.</p>	
	<p>Xây dựng phần mềm quản lý chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh tỉnh Kon Tum trên nền Web</p>	<p>Văn Phòng UBND tỉnh Kon Tum</p>	<p>Dự án chuyển giao, cài đặt 01 phần mềm và đã đưa vào sử dụng ứng dụng tại Văn Phòng UBND tỉnh trong công tác quản lý chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh. Việc triển khai dự án góp phần cải thiện thời gian làm việc cán bộ công chức Văn phòng UBND tỉnh; các số liệu thống kê được cung cấp kịp thời, chính xác đã giúp cho công tác chỉ đạo của lãnh đạo UBND tỉnh được kịp thời.</p>	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
	Nghiên cứu, hoàn thiện và sản xuất máy hủy tài liệu văn phòng	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum	Đã nghiên cứu, hoàn thiện bản vẽ thiết kế và sản xuất thành công máy hủy giấy tài liệu trên cơ sở sản phẩm sáng kiến của tác giả Nguyễn Thị Trinh, phù hợp với điều kiện làm việc, công suất sử dụng của các đơn vị: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum, Văn phòng Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và UBND tỉnh; Sản xuất 04 thiết bị và chuyển giao đưa vào sử dụng tại các đơn vị.	
	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nhân giống, sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo (<i>Cordyceps militaris</i>) tại tỉnh Kon Tum.	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học và Công nghệ	Đã tiếp nhận thành công 03 quy trình công nghệ, gồm: quy trình nhân giống; quy trình sản xuất nấm; quy trình bảo quản, chế biến nấm Đông trùng hạ thảo (<i>Cordyceps militaris</i>) để triển khai ứng dụng trong sản xuất tại tỉnh Kon Tum; đào tạo 03 cán bộ kỹ thuật để tổ chức triển khai dự án và duy trì nhân rộng dự án. Dự án đã sản xuất được 5.427 hộp nấm, thu được 10 kg khô quả thể. Kết quả phân, kết quả phân tích mẫu sản phẩm cho thấy, trong các mẫu có hàm lượng một số kim loại nặng là Cadmi, Chi, thủy ngân nhưng hàm lượng rất nhỏ so với ngưỡng cho phép theo quy định (tại Thông tư số 02/2011/TT-BYT, ngày 13/1/2011).	
	Nghiên cứu mở rộng phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý Ngọc Linh cho sản phẩm Sâm củ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	Viện thổ nhưỡng Nông hoá	<ul style="list-style-type: none"> - Đề tài đã xây dựng hồ sơ đăng ký mở rộng phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ (đã được cấp giấy chứng nhận). - Bản đồ hiện trạng phân bố sâm Ngọc Linh tỷ lệ 1/25.000. - Bản đồ chất lượng đất đai tại các vùng 	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			<p>điều tra để khoanh vùng mở rộng phạm vi chỉ dẫn địa lý sâm “Ngọc Linh” tỷ lệ 1/25.000.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản đồ khả năng thích hợp đất đai cho cây sâm Ngọc Linh tỉ lệ 1/25.000 - Bản đồ chỉ dẫn địa lý Sâm Ngọc Linh được mở rộng ở tỷ lệ 1:25.000. - Báo cáo 1: Ảnh hưởng của phong tục, tập quán, yếu tố con người và phương thức canh tác đến trồng và phát triển của cây sâm Ngọc Linh. - Báo cáo 2: Đặc thù về thổ nhưỡng của đất trồng sâm Ngọc Linh - Báo cáo 3: Thực trạng chất lượng đất vùng mở rộng CDDL sâm Ngọc Linh. - Báo cáo 4: Xác định đặc thù về hình thái, tính chất, chất lượng của sâm Ngọc Linh tại các vùng mở rộng phạm vi CDDL. - Báo cáo 5: Đặc thù điều kiện tự nhiên vùng mở rộng phạm vi CDDL đảm bảo tính đặc thù sâm Ngọc Linh đã được bảo hộ. - Báo cáo 6: Cơ sở khoa học và thực tiễn chứng minh tính đặc thù của sản phẩm sâm và yếu tố tự nhiên, con người quyết định đến tính đặc thù của sản phẩm sâm tại các vùng nghiên cứu đề nghị mở rộng phạm vi lãnh thổ được bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” trên địa bàn tỉnh Kon Tum. 	
	<p>Xây dựng mô hình sản xuất lúa chịu lạnh trên địa bàn một số xã Đông Trường Sơn tỉnh Kon Tum.</p>	<p>Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Tu Mơ Rông</p>	<p>- Đã tổ chức điều tra hiện trạng canh tác lúa ở các xã Đông Trường Sơn (huyện Tu Mơ Rông và Kon Plông) tỉnh Kon</p>	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
			<p>Tum; chọn địa bàn, chọn hộ để triển khai các mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mô hình thử nghiệm diện hẹp các giống lúa chịu lạnh (ĐS1, ĐS3, JO1, JO2) và 02 giống lúa đối chứng (IR64 và giống lúa địa phương) trên địa bàn các xã thuộc huyện Tu Mơ Rông và Kon Plông, với diện tích 3,6ha. + Mô hình nhân rộng các giống lúa chịu lạnh được lựa chọn (ĐS3, JO1) và 01 giống lúa đối chứng trên địa bàn các xã thuộc huyện Tu Mơ Rông và Kon Plông, với diện tích 24ha. - Tổ chức tập huấn cho 400 lượt người về kỹ thuật sản xuất lúa chịu lạnh và hội nghị đầu bờ kết quả các mô hình cho 400 lượt người tham gia trên địa bàn các xã triển khai dự án. 	

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động ¹	Nhân lực hiện có đến 30/6/2019						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2019 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) =(6÷9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các đơn vị do cấp bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập									
1	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ	Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum	25	11			15	02	1.865	
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý									
1										
	Tổng số		25	11			15	02	1.865	

¹ Cơ chế hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN
NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai		25	6
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ		
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ	5	1
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ	14	3
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ	3	2
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ	3	
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ		
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA	67	10
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ		
3	Giám định công nghệ	CN		
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Số nguồn phóng xạ kín			
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn	0	0
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn	09	09
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới			
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị	0	0
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị	0	0
-	Trong An ninh hải quan	Thiết bị	0	0
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)	0	0
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án		
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng		
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở	10	04
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép	9	3
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ	12	5
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn	12	5
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ		
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA	02	02
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK	69	61
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy,	Tài		

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
	tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin	6.000 cuốn/16 số	700 cuốn/4 số
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát	07	02
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ	25	13
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ	13	3
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thông kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>	2	1
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>	2	1
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện	3552	1916
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn	0	
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn	1	<i>Quy chuẩn kỹ thuật kiểm định máy X-quang</i>
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị	40	41
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc	45	15
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu	1178	281
VII	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc	54	11
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị	54	11
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ	4	2
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ	9,7	3,5
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ ²	Doanh nghiệp		

² Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ		

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án	5	
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp	5	
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức		

**VĂN BẢN VỀ KH&CN ĐƯỢC BAN HÀNH
NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Số TT	Tên văn bản	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành		
			Tỉnh ủy	HĐND	UBND
1	Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum.	31/7/2018			X
2	Quyết định số 64/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt danh mục Xây dựng chỉ dẫn địa lý “Đăk Hà” cho sản phẩm cà phê” huyện Đăk Hà thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020;	16/01/2018			X
3	Quyết định số 294/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt danh mục Đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Sâm Ngọc Linh Kon Tum” thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020.	27/3/2018			X
4	Quyết định số 143/QĐ-UBND về phê duyệt danh mục đề tài, dự án KH&CN năm 2018.	06/02/2018			X
5	Quyết định số 443/QĐ-UBND, về phê duyệt bổ sung danh mục đề tài, dự án KH&CN năm 2018.	03/5/2018			X
6	Quyết định số 636/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ của tỉnh Kon Tum.	22/6/2018			X
7	Quyết định số 932/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng CDĐL Ngọc Linh cho sản phẩm sâm củ của tỉnh Kon Tum.	07/9/2018			X
8	Quyết định số 79/QĐ-UBND, của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức	08/2/2018			X

	thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2018.				
9	Quyết định số 570/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc thành lập Ban tổ chức tổ chức Cuộc thi sáng tác biểu tượng (logo) Chỉ dẫn địa lý Ngọc Linh và Nhận hiệu chứng nhận sâm Ngọc Linh Kon Tum	16/11/2018			X
10	Quyết định số 64/QĐ-HĐSK của Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tỉnh về việc công nhận sáng kiến cấp tỉnh (đợt 1) năm 2017.	19/3/2018			X
11	Quyết định số 107/QĐ-HĐSK của Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tỉnh về việc công nhận sáng kiến cấp tỉnh (đợt 2) năm 2017	04/7/2018			X
12	Quyết định số 589/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum.	03/12/2018			X
13	Quyết định số 589/QĐ-UBND của UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum	03/12/2018			X
14	Quyết định số 496/QĐ-UBND UBND tỉnh về việc thành lập ban tổ chức diễn tập ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh Kon Tum năm 2019	16/5/2019			X
15	Quyết định số 497/QĐ-UBND UBND tỉnh về việc phê duyệt kịch bản diễn tập ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh năm 2019	16/5/2019			X
16	Quyết định số 108/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2019	04/3/2019			X
17	Quyết định số 224/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum năm 2019	11/3/2019			X

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CƠ CHẾ KHOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN**

Số nhiệm vụ triển khai năm 2018			Số nhiệm vụ mở mới năm 2019		
Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần	Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần
Cấp Tỉnh	0	25	06	0	06
Cấp cơ sở					

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

Quyết định thành lập <i>(số, ngày tháng năm)</i>	Vốn điều lệ <i>(Triệu đồng)</i>	Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, v.v...		Giải ngân <i>(Triệu đồng)</i>		Ghi chú
		Nội dung	Tổng kinh phí <i>(Triệu đồng)</i>	Năm 2018	Năm 2019	
10/QĐ-UBND ngày 07/01/2009	2.000		0	0	0	
		Tài trợ				
		Cho vay				
		Bảo lãnh vốn vay				
436/QĐ-UBND ngày 07/6/2019		Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum				

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
Tổng cộng											
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp sang 2020			18.651	11.061	2.620	3.588	4.853		7.590	
1.1	Nghiên cứu phòng trừ sâu bệnh trên cây Sâm Ngọc Linh.	143/QĐ-UBND ngày 06/02/2018	24 tháng	1.830	1.130	1.020	110			700	Viện Bảo vệ thực vật
1.2	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao sản xuất rau, cây ăn quả an toàn theo chuỗi giá trị tại huyện Kon Plông.	443/QĐ-UBND ngày 03/5/2018	36 tháng	3.975,4	1.502,6	1.100	250	152,6		2.472,8	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Kon Plông
1.3	Chuyên giao, ứng dụng tiến bộ KH&CN mở rộng, phát triển sản xuất rau an toàn theo mô hình chuỗi liên kết sản xuất, tiêu	443/QĐ-UBND ngày 03/5/2018	24 tháng	1.544,7	528	500	28			1.016,7	Phòng Kinh tế thành phố Kon Tum

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	thụ sản phẩm trên địa bàn thành phố Kon Tum										
1.4	Khảo sát thành phần hóa học, xây dựng qui trình định lượng saponin trên thân, lá Sâm Ngọc Linh làm cơ sở khoa học cho các sản phẩm ứng dụng.	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	28 tháng	2.000	2.000		600	1.400			
1.5	Hoàn thiện quy trình chiết xuất dịch chiết từ Đảng sâm, nấm Đông trùng hạ thảo và đề xuất các sản phẩm ứng dụng trong chế biến.	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	24 tháng	1.900	1.900		600	1.300			
1.6	Sản xuất thử nghiệm cà phê lên men và cà phê tách vỏ Honey bởi chế phẩm BIOCO.	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	28 tháng	2.000	1.000		400	600		1.000	
1.7	Xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá niên (<i>Onychostoma</i>	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	28 tháng	1.500			400	600		500	

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	<i>gerlachi</i> , W.K.H. Peters, 1881) trên địa bàn huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum										
1.8	Xây dựng mô hình trồng cây Lan Kim tuyến (<i>Anoectochilus</i> sp.) dưới tán rừng tại 02 huyện Tu Mơ Rông và Kon Plông tỉnh Kon Tum.	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	28 tháng	1.900	1.000	500	600	800		900	
1.9	Xây dựng mô hình phát triển trồng cây sắn bền vững tại huyện Kon Rẫy tỉnh Kon Tum	332/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	24 tháng	2.000	1.000		600	400		1.000	
II	Nhiệm vụ mở mới 2020			7.912	4.912		4.912			3.000	<i>Chưa được phê duyệt danh mục</i>
1.1	Nhận diện và ngăn chặn xung đột xã hội hiện nay trên địa bàn tỉnh Kon Tum										
1.2	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá trắm đen (<i>Mylopharyngodon puceus</i> Richardson,										

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	1846) trong ao và lồng tại tỉnh Kon Tum.										
1.3	Đánh giá các điều kiện thích nghi phục vụ mở rộng diện tích trồng sâm Ngọc Linh và một số dược liệu khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.										
1.4	Phục tráng giống nếp than và giống lúa gạo đỏ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.										
1.5	Xây dựng mô hình trồng cây Sa nhân tím dưới tán rừng trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông										
1.6	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nhân giống và trồng thử nghiệm cây Đẳng Sâm trên địa bàn Thành Phố Kon Tum										
1.7	Sản xuất thử nghiệm										

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2019	Dự kiến năm 2020	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2020	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	chiết xuất cao giàu ligustilide 0,5% từ rễ Đương quy Nhật Bản (<i>Angelica acutiloba</i>).										

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Dự án/ công trình	Căn cứ pháp lý (QĐ phê duyet)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí		
					Khởi công	Hoàn thành	Tổng vốn đầu tư được duyệt	Kinh phí được phân bỏ lũy kế hết năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020
I	Dự án chuyển tiếp								
II	Dự án mới						25.200		25.200
1	Dự án: Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Kon Tum.	866/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	Sở Khoa học và Công nghệ	TP, Kon Tum	2019	2020	25.200	0	25.200
2	Chuẩn bị đầu tư: Đầu tư xây dựng Trung tâm khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo		Sở Khoa học và Công nghệ	TP, Kon Tum	2020	2025			500

DỰ KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2019	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2019	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2019	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2020
A	Kinh phí các dự án do Trung ương quản lý				29.670
B	Kinh phí do địa phương quản lý				42.860
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	15.753	15.753	15.753	17.160
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)				
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	7.300	7.300	7.300	8.500
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	2.050	2.050	2.050	1.600
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước	3.875	3.875	3.875	3.020
	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng	445	445	445	480
	Sở hữu trí tuệ	1.620	1.620	1.620	2.140
	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	880	880	880	190
	Đào tạo, tập huấn	275	275	275	280
	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN	605	605	605	50
	Thanh tra KH&CN	50	50	50	50
	Hợp tác quốc tế				180
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện	1.500	1.500	1.500	1.500
6	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp (trong đó: Chi sửa chữa thường xuyên cho Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học và Công nghệ: 490trđ)	220	220	220	2.000
7	Chi khác	358	358	358	150
8	Hỗ trợ hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật	450	450	450	390
II	Kinh phí đầu tư phát triển	0	0	0	25.700
1	Dự án: Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao				25.200

	trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Kon Tum.				
2	Chuẩn bị đầu tư: Đầu tư xây dựng Trung tâm khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo				500
	Tổng số (A+B)				72.530